



BẢNG CHỈ DẪN AN TOÀN HÓA CHẤT

HUNTEX (CGMTK-255)



Version 2.0
SDS chuẩn bị ngày: 10/11/2022
Ngày in:

1. Nhận dạng hóa chất và thông tin về nhà cung cấp

1.1. Định danh sản phẩm

Tên thương mại : HUNTEX CGMTK-255.

Tên hóa học : Chất giặt khử.

1.2. Khuyến nghị sử dụng hóa chất và hạn chế sử dụng

Khuyến nghị sử dụng : Phụ trợ dệt may.

Hạn chế sử dụng : Không biết.

1.3. Chi tiết về nhà cung cấp bằng dữ liệu an toàn

Công ty : CÔNG TY TNHH HÓA CHẤT HÙNG XƯƠNG.

Số điện thoại : +84 272 377 8055/56

Số fax : +84 272 377 80

E-mail : info@hungxuong.com

1.4. Thông tin khẩn cấp

Số điện thoại khẩn cấp : +84 272 377 8055

Thông tin :

2. Nhận dạng môi nguy hại

2.1. Phân loại chất hoặc hỗn hợp

Phân loại GHS theo Quy định về phân loại và ghi nhãn hóa chất - Thông tư số 32/2017/TT-BCT

Nhóm sự cố	Loại	Nhóm sự cố và phân loại	Cảnh báo nguy hiểm
Ăn mòn kim loại	1	Met. Corr. 1	H290
Độc cấp tính - Đường uống	4	Acute Tox - Oral. 4	H302
Ăn mòn/kích ứng da	1B	Skin Corr./Irrit. 1B	H314
Độc tính đến cơ quan cụ thể sau phơi nhiễm đơn	3	STOT - SE 3	H335

2.2. Các thành phần nhãn

Các thành phần nhãn GHS

Hình đồ cảnh báo : GHS05, GHS07

Từ cảnh báo : Nguy hiểm

Cảnh báo nguy cơ : H290

H302

H314

H335

Các công bố về phòng ngừa :

Phòng ngừa : P234



Có thể ăn mòn kim loại.

Có hại nếu nuốt phải.

Gây bỏng da nghiêm trọng và hỏng mắt.

Có thể gây kích ứng đường hô hấp.

Chỉ chỉ lưu trữ trong bao bì/thùng chứa gốc.



BẢNG CHỈ DẪN AN TOÀN HÓA CHẤT

HUNTEX (CGMTK-255)



Version 2.0
SDS chuẩn bị ngày: 10/11/2022
Ngày in:

	P260	Không hít bụi/khói/khí/sương/hoi/bụi nước.
	P264	Rửa tay kỹ sau khi sử dụng.
	P270	Không ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng sản phẩm này.
	P271	Chỉ sử dụng ngoài trời hoặc trong khu vực thoáng khí.
	P280	Mang găng tay bảo hộ/quần áo bảo hộ/bảo vệ mắt/bảo vệ mặt/bảo vệ thính giác.
Lưu ý khi tiếp xúc	: P390	Hấp thụ chất thải tràn đổ để ngăn chặn thiệt hại vật chất.
	P301+P330+P331	NẾU NUỐT PHẢI: Súc miệng. Không gây nôn.
	P304+P340	NẾU HÍT PHẢI: Chuyển nạn nhân đến khu vực không khí trong lành và giữ nạn nhân ở tư thế dễ hô hấp.
	P316	Nhận trợ giúp y tế khẩn cấp ngay lập tức.
	P302+P361+P354	NẾU TIẾP XÚC VỚI DA: Ngay lập tức cởi bỏ tất cả quần áo bị nhiễm bẩn. Rửa sạch ngay lập tức bằng nước trong vài phút.
	P363	Cởi bỏ quần áo bị nhiễm bẩn và giặt sạch trước khi tái sử dụng.
	P305+P351+P338	NẾU VÀO MẮT: Rửa ngay bằng nước trong vài phút. Hủy bỏ kính áp tròng, nếu có và dễ dàng để làm. Tiếp tục xả.
	P319	Nhận trợ giúp y tế nếu bạn cảm thấy không khỏe.
Bảo quản	: P405	Lưu trữ có khóa chặt.
	P406	Bảo quản trong thùng chứa chống ăn mòn hoặc thùng phuy nhựa hoặc thùng chứa có lớp lót chống ăn mòn bên trong.
	P403+P233	Lưu trữ trong môi trường thông thoáng. Giữ bao bì đóng kín.
Thải bỏ	: P501	Thải bỏ chất thải/bao bì theo quy định của quốc gia.

2.3. Các mối nguy hiểm khác

Không biết.

3. Thông tin về thành phần các chất

3.1. Đơn chất

-

3.2. Hỗn hợp

Thông tin về các thành phần/Các thành phần nguy hiểm



BẢNG CHỈ DẪN AN TOÀN HÓA CHẤT

HUNTEX (CGMTK-255)



Version 2.0
SDS chuẩn bị ngày: 10/11/2022
Ngày in:

Tên hóa học	Số CAS	Nồng độ (%)	Phân loại GHS
Sodium gluconate	527-07-1	30	Không được phân loại
Sodium sulfite	7757-83-7	2	Không được phân loại
Special nonionic surfactant)	-	10	Acute Tox - Oral. 4, H302 Skin Irrit. 2, H315 Eye Irrit. 2B, H31 (Tham khảo SDS của nhà cung cấp)
Sodium carbonate	497-19-8	20	Eye Irrit. 2, H319
Dextrose monohydrate	14431-43-7	5	Không được phân loại
Sodium metasilicate	6834-92-0	15	Met. Corr. 1, H290 Acute Tox - Oral. 4, H302 Skin Corr. 1B, H314 STOT - SE 3, H335
Sodium dodecylbenzenesulfonate	25155-30-0	8	Acute Tox - Oral. 4, H302 Skin Irrit. 2, H315 Eye Dam. 1, H318
Sodium sulfate	7757-82-6	14	Không được phân loại

4. Biện pháp sơ cứu về y tế

4.1. Mô tả các biện pháp sơ cứu

- Lời khuyên chung : Nếu cần tư vấn y tế, hãy cung cấp tài liệu SDS cho bác sĩ.
- Hít phải : Di chuyển nạn nhân ra khỏi nơi tiếp xúc hoặc di chuyển đến khu vực thông thoáng. Nếu có biểu hiện khó thở, cần được tư vấn y tế.
- Tiếp xúc với da : Sau khi tiếp xúc với da, rửa sạch bằng nhiều nước và xà phòng. Cởi bỏ quần áo, giày dép và phụ kiện bị nhiễm bẩn.
- Tiếp xúc với mắt : Rửa cẩn thận bằng nước trong vài phút. Hủy bỏ kính áp tròng, nếu có và dễ dàng làm. Tiếp tục xả. Nếu kích ứng mắt vẫn còn – Nhận sự tư vấn/chăm sóc y tế.
- Nuốt phải : Trong trường hợp nuốt phải, súc miệng bằng nước, uống nhiều nước. Giữ yên, không gây nôn. Nếu cảm thấy không khỏe, hãy tìm lời khuyên y tế.

4.2. Các triệu chứng và tác dụng quan trọng nhất, cả cấp tính và mãn tính

Các triệu chứng : Không có gợi ý đặc biệt.

4.3. Các triệu chứng và tác dụng quan trọng nhất, cả cấp tính và chậm trễ

Điều trị theo triệu chứng.

5. Biện pháp xử lý khi có hỏa hoạn

5.1. Phương tiện chữa cháy phù hợp



BẢNG CHỈ DẪN AN TOÀN HÓA CHẤT

HUNTEX (CGMTK-255)



Version 2.0
SDS chuẩn bị ngày: 10/11/2022
Ngày in:

- Phương tiện chữa cháy thích hợp: phun nước, bọt, bột khô, CO₂.
Phương tiện chữa cháy không phù hợp: không có sẵn dữ liệu.
- 5.2. Những mối nguy hiểm đặc biệt phát sinh từ chất hoặc hỗn hợp**
Trong trường hợp hỏa hoạn, các chất có thể được giải phóng: cacbon monoxit, cacbon đioxit, lưu huỳnh oxit.
- 5.3. Lời khuyên cho lính cứu hỏa**
Khi đốt sẽ thải ra khói độc, lính cứu hỏa phải mặc thiết bị thở khép kín và quần áo bảo hộ thích hợp nếu có nguy cơ tiếp xúc với hơi hoặc sản phẩm của quá trình cháy.

6. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó khi có sự cố

- 6.1. Các biện pháp phòng ngừa cá nhân, thiết bị bảo hộ và quy trình xử lý khẩn cấp**
Sử dụng phương tiện bảo vệ cá nhân. Không chạm vào hoặc đi qua vật liệu bị đổ.
- 6.2. Các biện pháp phòng ngừa về môi trường**
Thu gom và cho vào một thùng chứa có thể đóng lại. Ngăn chặn dòng chảy vào cống rãnh và đường nước.
- 6.3. Các phương pháp và vật liệu dùng để ngăn chặn và làm sạch**
Hấp thụ chất lỏng bằng vật liệu hấp thụ, ví dụ: đất, cát và các vật liệu hấp thụ không cháy khác.

7. Xử lý và bảo quản

- 7.1. Thận trọng trong xử lý an toàn**
Lời khuyên về sử dụng an toàn : Mang thiết bị bảo hộ khi làm việc.
Các biện pháp vệ sinh : Không ăn uống, hút thuốc khi làm việc. Rửa sạch tay trước khi nghỉ giải lao và sau giờ làm việc.
Các biện pháp bảo vệ chung : Không hít phải khí/hơi/sol khí. Tránh tiếp xúc với da và mắt.
- 7.2. Điều kiện để lưu trữ an toàn, bao gồm bất kỳ điều kiện không tương thích nào**
Phòng chống cháy nổ
Thông tin : Không cần biện pháp đặc biệt.
Bảo quản
Thông tin : Không có.
Thông tin thêm về điều kiện lưu trữ:
Đậy kín vật chứa và bảo quản ở nơi mát, khô ráo và thông thoáng. Bảo quản trong thùng hoặc thùng nhựa chống ăn mòn, không thích hợp với kim loại. Duy trì khoảng cách không khí giữa các ngăn xếp/pallet. Bảo quản tránh xa nguồn nhiệt, ngọn lửa, nguồn bắt lửa, chất xung khắc và chất oxy hóa.

8. Kiểm soát phơi nhiễm/Bảo vệ cá nhân

- 8.1. Các thông số kiểm soát**
Giới hạn phơi nhiễm:
Không chứa các chất có giá trị giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp.
- 8.2. Kiểm soát phơi nhiễm**
Kiểm soát kỹ thuật phù hợp : hoạt động trong khu vực thông gió tốt.



BẢNG CHỈ DẪN AN TOÀN HÓA CHẤT

HUNTEX (CGMTK-255)



Version 2.0
SDS chuẩn bị ngày: 10/11/2022
Ngày in:

Thiết bị bảo vệ cá nhân	
Bảo vệ mắt	: đeo kính bảo hộ.
Bảo vệ tay	: găng tay bảo hộ.
Bảo vệ cơ thể	: quần áo bảo hộ lao động và giày bảo hộ lao động.
Bảo vệ đường hô hấp	: đeo mặt nạ phòng độc.
Biện pháp vệ sinh	: tránh xa thực phẩm. Luôn rửa tay trước khi ăn, uống, hút thuốc. Giặt quần áo bị nhiễm bẩn và các thiết bị bảo hộ khác trước khi cất giữ hoặc sử dụng lại.

9. Đặc tính lý hóa của chất

9.1. Thông tin về các đặc tính vật lý và hóa học cơ bản

Trạng thái vật lý	: bột.
Màu sắc	: trắng đến trắng ngà.
Mùi	: không mùi.
Ngưỡng mùi	: không có dữ liệu.
pH của 1% hòa tan trong nước (25 °C)	: 11-12.
Điểm nóng chảy	: không có dữ liệu.
Điểm sôi	: không có dữ liệu.
Điểm chớp cháy	: không có dữ liệu.
Tốc độ bay hơi	: không có dữ liệu.
Tính dễ cháy	: không có dữ liệu.
Giới hạn cháy nổ trên	: không có dữ liệu.
Giới hạn cháy nổ dưới	: không có dữ liệu.
Áp suất hóa hơi	: không có dữ liệu.
Tỉ trọng hơi	: không có dữ liệu.
Tỉ trọng tương đối	: không có dữ liệu.
Độ hòa tan	: tan trong nước.
Hệ số phân tán (n-octanol/nước)	: không có dữ liệu.
Nhiệt độ tự bốc cháy	: không có dữ liệu.
Nhiệt phân hủy	: không có dữ liệu.
Độ nhớt, động học	: không có dữ liệu.
Độ nhớt, động lực	: không có dữ liệu.
Tính chất oxy hóa	: không có dữ liệu.

9.2. Thông tin khác

Tỉ trọng	: 1.1 - 1.2 g/cm ³ .
Ăn mòn kim loại	: có thể ăn mòn kim loại.

10. Mức ổn định và khả năng phản ứng của hóa chất

10.1. Khả năng phản ứng

Ổn định ở nhiệt độ phòng bình thường.

10.2. Tính ổn định hóa học



BẢNG CHỈ DẪN AN TOÀN HÓA CHẤT

HUNTEX (CGMTK-255)



Version 2.0
SDS chuẩn bị ngày: 10/11/2022
Ngày in:

- Nhạy cảm với độ ẩm và có thể ăn mòn kim loại.
- 10.3. Khả năng xảy ra phản ứng nguy hiểm**
Không có thông tin.
- 10.4. Các điều kiện cần tránh**
Nhiệt, ngọn lửa, nguồn đánh lửa và các chất không tương thích. Tiếp xúc với không khí ẩm hoặc nước.
- 10.5. Vật liệu không tương thích**
Tránh tiếp xúc axit mạnh và chất oxy hóa mạnh.
- 10.6. Các sản phẩm phân hủy nguy hiểm**
Carbon dioxide, carbon monoxide, lưu huỳnh oxit có thể hình thành khi sản phẩm bị phân hủy bởi nhiệt.

11. Thông tin về độc tính

- 11.1. Thông tin về các tác dụng độc**
- | | |
|--|-------------------------------------|
| Độc cấp tính (đường miệng) | : có hại nếu nuốt phải. |
| Độc cấp tính (hít phải) | : không được phân loại. |
| Độc cấp tính (qua da) | : không được phân loại. |
| Kích ứng/ăn mòn da | : gây bỏng da nghiêm trọng. |
| Tổn thương mắt/kích ứng mắt nghiêm trọng | : gây tổn thương mắt nghiêm trọng. |
| Nhạy cảm da | : không được phân loại. |
| Độc tính gia tăng | : không được phân loại. |
| Đánh giá CMR | |
| Khả năng gây ung thư | : không được phân loại. |
| Tính gây đột biến | : không được phân loại. |
| Tính gây quái thai | : không được phân loại. |
| Độc tính với sinh sản | : không được phân loại. |
| Độc tính cơ quan đích cụ thể -
Phơi nhiễm một lần | : có thể gây kích ứng đường hô hấp. |
| Độc tính cơ quan đích cụ thể -
Phơi nhiễm nhiều lần | : không được phân loại. |
| Nguy hại hô hấp | : không được phân loại. |

12. Thông tin về sinh thái

- 12.1. Độc tính sinh thái**
Không có dữ liệu.
- 12.2. Tính bền và khả năng phân hủy**
Khả năng phân hủy sinh học (BOD5 / COD): Không có dữ liệu.
Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD5): Không có dữ liệu.
Nhu cầu oxy hóa học (COD): Không có dữ liệu.
- 12.3. Khả năng tích lũy sinh học**
Không có dữ liệu.
- 12.4. Khả năng phân tán qua đất**



BẢNG CHỈ DẪN AN TOÀN HÓA CHẤT HUNTEX (CGMTK-255)



Version 2.0
SDS chuẩn bị ngày: 10/11/2022
Ngày in:

Sản phẩm có thể hòa tan trong nước và có thể lan truyền trong hệ thống nước. Có khả năng di động trong môi trường do tính hòa tan trong nước. Di động cao trong đất

12.5. Các tác dụng phụ khác

Không có dữ liệu.

13. Thông tin về thải bỏ

13.1 Các phương pháp xử lý chất thải

Chất thải từ cặn bã: Việc thải bỏ phải tuân theo các quy định và luật pháp địa phương.

Bao bì bị ô nhiễm: Vứt bỏ các thùng rỗng bị ô nhiễm theo quy định và pháp luật.

14. Thông tin khi vận chuyển

D.O.T Đường bộ/Đường sắt

Số UN

: không áp dụng.

Tên vận chuyển UN

: không áp dụng.



Nhãn nguy hiểm

:

Các loại nguy hiểm khi vận chuyển

: 8.

Nhóm đóng gói

: không áp dụng.

Mối nguy môi trường

: không áp dụng.

Vận chuyển số lượng lớn

: không áp dụng.

Thận trọng đặc biệt cho người dùng

: không áp dụng.

Vận tải hàng không ICAO-TI/IATA-DGR

Số UN

: không áp dụng.

Tên vận chuyển UN

: không áp dụng.



Nhãn nguy hiểm

:

Các loại nguy hiểm khi vận chuyển

: 8.

Nhóm đóng gói

: không áp dụng.

Mối nguy môi trường

: không áp dụng.

Vận chuyển số lượng lớn

: không áp dụng.

Thận trọng đặc biệt cho người dùng

: không áp dụng.

Vận tải đường biển IMDG

Số UN

: không áp dụng.

Tên vận chuyển UN

: không áp dụng.



Nhãn nguy hiểm

:

Các loại nguy hiểm khi vận chuyển

: 8.

Nhóm đóng gói

: không áp dụng.



BẢNG CHỈ DẪN AN TOÀN HÓA CHẤT

HUNTEX (CGMTK-255)



Version 2.0
SDS chuẩn bị ngày: 10/11/2022
Ngày in:

Mối nguy môi trường (Chất gây ô nhiễm biển) : không áp dụng.
Vận chuyển số lượng lớn : không áp dụng.
Thận trọng đặc biệt cho người dùng : không áp dụng.

15. Thông tin về pháp luật

15.1 Các quy định/luật pháp về an toàn, sức khỏe và môi trường dành riêng cho chất hoặc hỗn hợp

- Quy định về phân loại và ghi nhãn hóa chất - Thông tư số 32/2017/TT-BCT. Ngày cấp: 28/12/2017.
- Quy định danh mục hàng công nghiệp nguy hiểm phải đóng gói trong quá trình vận chuyển, vận chuyển hàng công nghiệp nguy hiểm bằng phương tiện giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa - số: 44/2012/TT-BCT - Ngày ban hành 28/12/2012.
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh - QCVN05: 2013/BTNMT.
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh - QCVN06: 2009/BTNMT.
- Quy định về ghi nhãn hóa chất trên cơ sở GHS theo Thông tư số 32/2017/TT-BCT.
- Tiêu chuẩn vệ sinh lao động tại nơi làm việc - Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT.
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - giá trị giới hạn phơi nhiễm cho phép đối với 50 hóa chất tại Thông tư số 10/2019-TT-BYT.

16. Thông tin cần thiết khác

Thông tin trong tờ này được viết dựa trên kiến thức và kinh nghiệm tốt nhất hiện có nhưng không có trách nhiệm pháp lý.

SDS chuẩn bị vào : 10/11/2022.

Ngày sửa đổi :

Phiên bản 2.0

Chú giải:

IATA: Hiệp hội Vận tải Hàng không Quốc tế.

ICAO: Tổ chức Hàng không Dân dụng Quốc tế.

IMDG: Hàng hóa Nguy hiểm Hàng hải Quốc tế.

Met. Corr. 1: Ăn mòn kim loại, nguy hiểm loại 1.

Acute Tox - Oral. 4: Độc cấp tính - Đường uống, nguy hiểm loại 4.

Skin Corr./Irrit. 1B: Ăn mòn/kích ứng da, nguy hiểm loại 1B.

Skin Irrit. 2: Kích ứng da, nguy hiểm loại 2.

Eye Dam. 1: Tổn thương mắt nghiêm trọng, nguy hiểm loại 1.

Eye Irrit. 2B: Kích ứng mắt nghiêm trọng, nguy hiểm loại 2B.

Eye Irrit. 2: Kích ứng mắt nghiêm trọng, nguy hiểm loại 2.

STOT - SE 3: Độc tính đến cơ quan cụ thể sau phơi nhiễm đơn, nguy hiểm loại 3.

H290 Có thể ăn mòn kim loại.

H302 Có hại nếu nuốt phải.

H314 Gây bỏng da nghiêm trọng và hỏng mắt.



BẢNG CHỈ DẪN AN TOÀN HÓA CHẤT

HUNTEX (CGMTK-255)



Version 2.0
SDS chuẩn bị ngày: 10/11/2022
Ngày in:

H315 Gây kích ứng da.
H318 Gây tổn thương mắt nghiêm trọng.
H335 Có thể gây kích ứng đường hô hấp.

HẾT